TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HS-PT
Ngày: 04/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu;

Bà Cao Thanh Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Ngà - Kiểm sát viên.

Ngày 04/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2023/TLPT-HS ngày 26/5/2023 đối với bị cáo Huỳnh Văn T do có kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2023/HS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Huỳnh Văn T; Sinh ngày: 10/10/1970; N sinh: Huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị D; Bị cáo có vợ là bà Võ Thị H, sinh năm 1968 và 03 người con, người con lớn nhất sinh năm 1991, người con nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/9/2022 cho đến nay. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn T*: Bà Lê Thị Ngọc D1 -luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố C; Địa chỉ trụ sở: Số B, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm:* Bị cáo Huỳnh Minh Q; Người làm chứng Trịnh Văn Ú, Trần Minh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/02/2017, bị cáo Huỳnh Văn T được bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học T3. Đầu năm học 2017-2018, bị cáo T thông báo đến giáo viên chủ nhiệm các lớp kiểm tra những học sinh nào đủ điều kiện nhà cách T1 từ 4km trở lên được hỗ trợ tiền ăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (sau đây gọi tắt là Nghị định số 116/2016/NĐ-CP) và lập danh sách gửi đến kế toán của trường là bị cáo Huỳnh Minh Q tổng hợp. Bị cáo Q lập và trình bị cáo T để ký duyệt tổng số 22 học sinh mà không có thành lập Hội đồng xét duyệt, không đối chiếu danh sách. Đến ngày 15/01/2020, bị cáo Q báo cáo với bị cáo T đã rút được tiền hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP trong năm học 2017-2018 của 22 học sinh với tổng số tiền là 102.960.000 đồng do ông Trần Minh G là thủ quỹ của T1 quản lý. Sau đó, bị cáo T chỉ đạo cho ông Trịnh Văn Ú là giáo viên của T1, ông G và bị cáo Quang thông b đến các phụ huynh có con là học sinh trong 22 học sinh có tên trong danh sách đã được phê duyệt đến nhận tiền và cấp phát tiền cho phụ huynh học sinh. Sau khi cấp phát tiền xong, ông G báo cáo lại với bị cáo T là đã cấp phát tiền cho phụ huynh học sinh xong nhưng còn dư số tiền là 28.080.000 đồng của 06 em học sinh không ai đến nhận. Lúc này, bị cáo T chỉ đạo cho ông G tiếp tục quản lý số tiền 28.080.000 đồng. Sau đó khoảng 03 ngày, ông G mang số tiền này đến phòng của bị cáo T cùng có mặt ông Ú, bị cáo Q và bị cáo T để giao lại số tiền này. Lúc này, ông Ú hỏi mượn bị cáo T trong số tiền trên là 4.680.000 đồng và được bị cáo T đồng ý; bị cáo Q hỏi mượn trong số tiền trên là 5.000.000 đồng thì bị cáo T đồng ý. Còn lại số tiền 18.400.000 đồng, bị cáo Thanh mượn để sử dụng vào mục đích cá nhân. Khi mượn, ông Ú, bị cáo Q và bị cáo T có ký nhận vào sổ mượn. Đến khi Thanh tra huyện K yêu cầu khắc phục sai phạm thì bị cáo T đã sử dụng tiền cá nhân bằng với số tiền nêu trên nộp khắc phục theo kiến nghị của Đoàn thanh tra.

Qua công tác điều tra, xác minh, Cơ quan điều tra chứng minh được như sau: 06 em học sinh được bị cáo Q lập thêm vào Danh sách học sinh được nhận hỗ trợ tiền ăn năm học 2017-2018 (từ tháng 12/2017 đến tháng 5/2018) là Trương Quỳnh G1, Lê Hoàng P, Nguyễn Gia P1, Vương Thảo A, Lâm Gia B và Lê Quốc H1. Trong đó, có 03/06 em học sinh (Trương Quỳnh G1, Lê Hoàng P, Nguyễn Gia P1) không phải là học sinh Trường Tiểu học T3 và cũng không nhận được tiền hỗ trợ do thời điểm này các em đang còn học lớp mẫu giáo; có 03/06 em học sinh (Vương Thảo A, Lâm Gia B và Lê Quốc H1) không xác định được là ai, phụ huynh tại mục ký nhận tiền hỗ trợ trên Danh sách nhận hỗ trợ tiền ăn không biết, không nhận hỗ trợ và cũng không có mối quan hệ gì đối với 03 em học sinh này. Bị cáo T đã chỉ đạo bị cáo Q bổ sung thêm 06 em học sinh vào Danh sách nhận tiền hỗ trợ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP, nâng tổng số học sinh được nhận hỗ trợ là 22 em học sinh nhưng thực chất chỉ có 16 em học sinh, nhằm mục đích vụ lợi với số tiền 28.080.000 đồng. Sau đó, bị cáo T đã cho ông Trịnh Văn Ú mượn số tiền 4.680.000 đồng, bị cáo Huỳnh Minh Q mượn số

tiền 5.000.000 đồng, còn lại số tiền 18.400.000 đồng thì bị cáo Thanh m sử dụng vào mục đích cá nhân. Đối với bị cáo Q với vị trí là kế toán Trường Tiểu học T3, khi được bị cáo T chỉ đạo lập thêm 06 em học sinh vào Danh sách nhận tiền hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP đã không kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn sai phạm của bị cáo T mà vẫn làm theo chỉ đạo, giúp sức cho bị cáo T bằng việc thêm 06 em học sinh vào Danh sách nhận hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP để được tư lợi cá nhân từ số tiền 28.080.000 đồng và trên thực tế bị cáo Q đã mượn 5.000.000 đồng để đóng tiền học phí cho bản thân. Ông G, ông Ú và các giáo viên của Trường Tiểu học T3 không biết việc bị cáo T chỉ đạo bị cáo Q lập dư 06 em học sinh vào Danh sách nhận tiền hỗ trợ tiền theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2023/HS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn T và Huỳnh Minh Q phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 356; Điều 17; Điểm b, điểm s, điểm v khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Khoản 3 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 356; Điều 17; Điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Khoản 3 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh Q 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

* Ngày 28/4/2023, bị cáo Huỳnh Văn T kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Huỳnh Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có căn cứ. Đồng thời, cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s, điểm v khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định pháp luật. Xét cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt và xử phạt bị cáo T mức án 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ

hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Xét trong vụ án này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi nên thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Quan điểm bào chữa của luật sư Lê Thị Ngọc D1 là người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn T: Thống nhất về tội danh và điều luật mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo Huỳnh Văn T. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo T vì bị cáo có nhân thân tốt, tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có thành tích xuất sắc trong công tác, cha mẹ của bị cáo có công với cách mạng, có 31 phụ huynh học sinh đồng ký đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo do có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục tại địa phương, bị cáo thường xuyên làm từ thiện, bị cáo đang mắc nhiều bệnh cần điều trị, bị cáo phạm tội lần đầu, thiệt hại gây ra không lớn và đã được khắc phục là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s, điểm v khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 28/4/2023 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T, về việc xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Huỳnh Văn T và Huỳnh Minh Q như sau: Trong thời gian từ năm 2017-2018, bị cáo Huỳnh Văn T2 giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học T3, bị cáo Huỳnh Văn T đã chỉ đạo bị cáo Huỳnh Minh Q là kế toán của Trường Tiểu học T3 bổ sung thêm 06 em học sinh vào

trong danh sách nhận tiền hỗ trợ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP, nâng tổng số học sinh được nhận hỗ trợ là 22 em học sinh nhưng thực chất chỉ có 16 em học sinh, nhằm mục đích vụ lợi với số tiền 28.080.000 đồng. Sau đó, bị cáo đã cho ông Trịnh Văn Ú mượn số tiền 4.680.000 đồng, bị cáo Huỳnh Minh Q mượn số tiền 5.000.000 đồng, còn lại số tiền 18.400.000 đồng thì bị cáo Thanh m sử dụng vào mục đích cá nhân. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Huỳnh Văn T và Huỳnh Minh Q phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T, về việc xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền gây thiệt hại cho Nhà nước; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong công tác được khen thưởng nhiều năm liền; gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo đã tích cực tham gia phong trào thiện nguyện tại địa phương, có nhiều phụ huynh học sinh xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s, điểm v khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt và xử phạt bị cáo T mức án 06 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân, vai trò của bị cáo trong vụ án và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ bị cáo được áp dụng mà Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa áp dụng đối với bị cáo T.

[4] Xét mặc dù bị cáo T bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên, bị cáo giữ vai trò thứ nhất trong vụ án và bị cáo lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T, không chấp nhận kháng cáo

xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo T, giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T, về việc xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Văn T của Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2023/HS-ST ngày 18/4/2023 Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 356; Điều 17; Điểm b, điểm s, điểm v khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Khoản 3 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Huỳnh Văn T.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 06 (sáu) tháng tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc bị cáo Huỳnh Văn T chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1-TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện K (02);
- VKSND huyện K (01);
- CQĐT-Công an huyện K (01);
- CQTHAHS-Công an huyện K (01);
- Chi cục THADS huyện K (01);
- Bị cáo (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vũ